

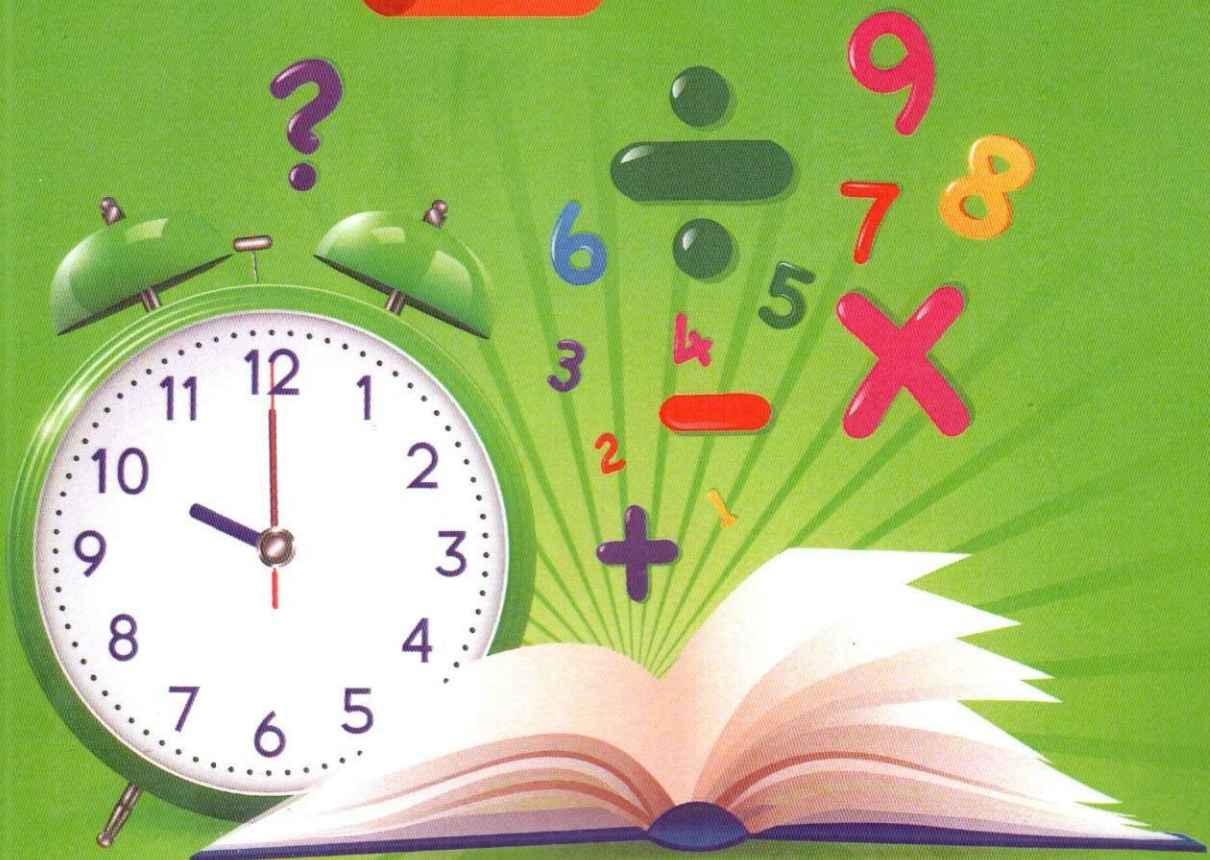
HƯỚNG DẪN HỌC

TOÁN

LỚP

3

Quyển 2
Phiên bản 1



BÀI 10. ÔN TẬP GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN

KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

- Bài toán về nhiều hơn, ít hơn.
- Gấp một số lên nhiều lần.
- Giảm đi một số lần.
- Giải các bài toán bằng hai phép tính.

LUYỆN TẬP

Bài 1. Một cửa hàng bán gạo, ngày thứ nhất bán được 106kg gạo, ngày thứ hai bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 20kg. Hỏi cả hai ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 2. Để chuẩn bị vào lớp 3, Hòa đi mua vở và bút. Biết số tiền mua vở hết 160 nghìn đồng và gấp 4 lần số tiền mua bút. Hỏi bạn Hòa mua vở và bút hết bao nhiêu tiền?

Bài 3. Cô giáo xếp chỗ ngồi cho các bạn học sinh lớp 3A đều vào 15 bàn, nếu mỗi bàn xếp 2 bạn thì còn thừa 1 bạn. Hỏi lớp 3A có bao nhiêu bạn học sinh?

[illegible][illegible]

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of light blue horizontal lines and light green vertical lines, creating a series of small squares across the entire page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Bài 8. Chủ nhật vừa qua mẹ đưa Lâm đi hiệu sách. Lâm được mẹ mua cho 4 quyển truyện Thần đồng đất Việt, mỗi quyển truyện giá 16 nghìn đồng, Lâm đưa cho cô bán hàng 100 nghìn đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại Lâm bao nhiêu tiền?

Bài 9. Để hưởng ứng phong trào làm việc tốt trong đợt tham gia “kế hoạch nhỏ” vừa qua, lớp 3C chia làm 6 nhóm để thu nhặt giấy vụn, mỗi nhóm có 5 bạn, mỗi bạn thu được 3kg giấy vụn. Hỏi lớp 3C đã thu được bao nhiêu ki-lô-gam giấy vụn?

Bài 10. Năm nay, mẹ Nam 37 tuổi, Nam 9 tuổi. Hỏi sáu năm sau, tổng số tuổi của hai mẹ con là bao nhiêu?

[illegible][illegible][illegible]

Bài 15. Ba bạn Ly, Hạnh, Hoa gấp được tất cả 49 con hạc giấy mang theo điều ước may mắn cho các bạn ở Viện Huyết học - truyền máu Trung ương. Số con hạc của Ly và Hạnh cộng lại được 35 con, số con hạc của Hạnh và Hoa cộng lại được 33 con. Hỏi mỗi người gấp được bao nhiêu con hạc?

Bài 16. Trong nửa giờ Vinh gấp được 6 cái máy bay phản lực, còn Hùng để gấp được 10 cái máy bay đó phải mất 40 phút. Hỏi Vinh và Hùng ai làm nhanh hơn?

BÀI TẬP ỨNG DỤNG**Bài 1.** Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $32 : 4 + 314$

b) $327 - 81 : 9$

c) $80 \times 3 + 60 \times 9$

d) $242 - 63 : 7 + 125$

e) $(319 - 301) : 3$

g) $240 + 321 : (6 - 3)$

Bài 2. Điền vào ô trống đúng (Đ) hoặc sai (S)

a) $963 - 654 + 32$

$= 309 + 132$

$= 441$

☐

b) $963 - 654 + 132$

$= 963 - 786$

$= 177$

☐

c) $100 : 5 \times 4$

$= 20 : 20$

$= 1$

☐

d) $100 : 5 \times 4$

$= 20 \times 4$

$= 80$

☐

e) $(120 - 20) \times 4$

$= 100 \times 4$

$= 400$

☐

f) $(120 - 20) \times 4$

$= 120 - 80$

$= 40$

☐**Bài 3.** Tìm x, biết:

a) $x + 21 - 4 = 56$

b) $44 - x \times 3 = 535 - 497$

LUYỆN TẬP

Bài 17. Điền dấu (>, =, <) thích hợp vào ô trống:

$4 \times 2 + 346 \quad \square \quad 32 : 4 + 346$

$36 : 4 : 3 \quad \square \quad 24 : 3 : 2$

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

$2 \times 3 \times 4 \quad \square \quad 2 \times 4 \times 5$

$5 \times 7 + 349 \quad \square \quad 4 \times 6 + 338$

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 18. Nối biểu thức với giá trị đúng của nó:

$60 : 3 \times 4$

$(217 - 61) : 4$

$187 + 24 \times 9$

$128 - 122 : 2$

67

80

39

403

Bài 19. Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $5 \times 24 : 4$

b) $81 : 9 \times 45$

c) $26 \times 2 : 4$

d) $175 \times 5 : 7$

e) $630 : 3 \times 2 : 7$

f) $90 : 3 : 5 \times 6 : 2$

Bài 20. Tìm x , biết:

a) $35 : x = 21 : 3$

b) $72 : x + 203 = 53 \times 4$

c) $x : 7 + 345 = 381$

d) $x : (182 - 178) = 23 + 17$

e) $x + 30 - 234 = (46 - 14) \times 6$

f) $x - 176 + 99 = (579 - 79) : 5$

Bài 21. Điền dấu ($>$, $=$, $<$) thích hợp vào ô trống:

a) $603 : 3 + 119$ $199 + 595 : 5$

b) $293 - 84 : 4$ $90 \times 4 : 9 + 2$

c) $357 : 3 \times 5$ $928 : 8 \times 6$

d) $389 + 675 : 5$ $984 : 6 + 456$

5:9

$3 : (1000 - 991)$

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13</																																																																																							

$y = 899$
$y = 294$
$y = 150$
$y = 155$

129 ☐

30 ☐

222

Bài 25. Điền dấu ($>$, $=$, $<$) thích hợp vào ô trống:

a) $128\text{cm} : 4$ $3\text{dm} \times 2 + 2\text{cm}$

b) $800\text{m} : 5$ $96\text{dam} : (2 \times 3)$

c) $200\text{mm} \times 4$ $32\text{dm} - 2 \times 8\text{dm}$

d) $2\text{m} \times (363 - 358)$ $160\text{dm} : 2$

Bài 26. Tìm số tự nhiên y , biết:

a) $48 < y \times 8 < 64$

b) $18 : 9 < y \times 2 < 54 : 9$

c) $72 : 8 : 9 < y < 40 : 8 - 2$

d) $54 : 9 < y : 2 < 64 : 8$

Bài 27. Tìm số tự nhiên a , biết:

a) $125 \times 8 < a \times 8 < 127 \times 8$

b) $560 < a \times 5 < 570$

Bài 28. Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $(262 + 27 \times 9) : 5 + 484$

b) $(63 + 27) \times 9 - 687 : 3$

c) $279 + (27 \times 3 + 469)$

d) $5 \times 148 + 112 : 4 - 666$

Bài 29. Tìm số A, B, C, D, E thỏa mãn yêu cầu sau:

a) Gấp 24 lên 4 lần, sau đó giảm đi 27 đơn vị rồi giảm 3 lần ta được số A.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b) Giảm 55 đi 5 lần, sau đó thêm 18 đơn vị rồi gấp lên 6 lần ta được số B.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c) Giảm 326 đi 274 đơn vị, sau đó gấp lên 2 lần rồi thêm 192 đơn vị thì ta được số C.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

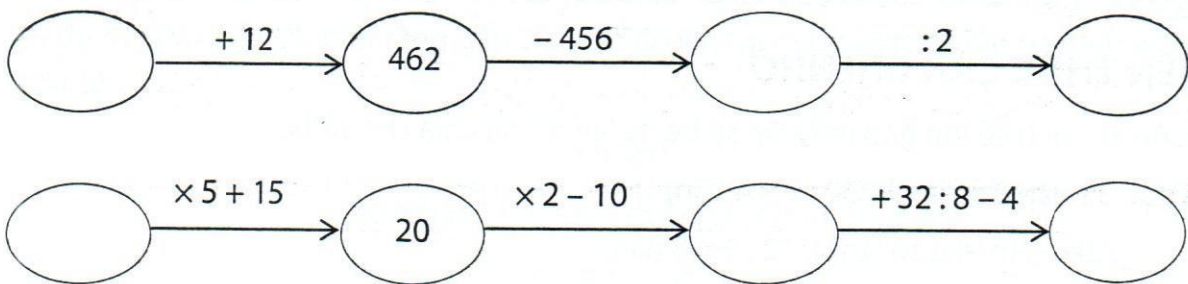
d) Tăng 23 thêm 12 đơn vị, sau đó gấp lên 2 lần rồi giảm 7 lần ta được số D.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

e) Gấp 24 lên 8 lần, sau đó thêm 145 đơn vị rồi giảm 15 đơn vị ta được số E.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 30. Điền số thích hợp vào ô trống:



BÀI 12. SO SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ

KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

Muốn so sánh số lớn gấp mấy lần số bé, ta lấy số lớn chia cho số bé.

Ví dụ: 32 gấp 8 số lần là: $32 : 8 = 4$ (lần)

72kg gấp 9kg số lần là: $72 : 9 = 8$ (lần)

MỘT SỐ DẠNG TOÁN

Dạng 1. So sánh số lớn gấp mấy lần số bé

Ví dụ 1: Đoạn thẳng AB dài 9cm, đoạn thẳng CD dài 3cm. Hỏi đoạn thẳng AB dài gấp mấy lần đoạn thẳng CD?

Bài làm

Độ dài đoạn thẳng AB dài gấp độ dài đoạn thẳng CD số lần là:

$$9 : 3 = 3 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 3 lần

Dạng 2. So sánh số lớn gấp mấy lần số bé (ẩn số lớn, số bé hoặc ẩn cả số lớn và số bé)

Ví dụ 2: Lan có số cái kẹo là số tròn chục liền trước 20, Hoa có 5 cái kẹo. Hỏi số kẹo của Lan gấp mấy lần số kẹo của Hoa?

Bài làm

Số tròn chục liền trước 20 là 10, vậy Lan có 10 cái kẹo.

Số kẹo của Lan gấp số kẹo của Hoa số lần là:

$$10 : 5 = 2 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 2 lần

Ví dụ 3: Biết 2 lần số vở của Minh là 20 quyển, 5 lần số vở của Châu là 10 quyển. Tính xem số vở của Minh gấp bao nhiêu lần số vở của Châu.

Bài làm

Số vở của Minh là:

$$20 : 2 = 10 \text{ (quyển)}$$

Số vở của Châu là:

$$10 : 5 = 2 \text{ (quyển)}$$

Số vở của Minh gấp số vở của Châu số lần là:

$$10 : 2 = 5 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 5 lần

Dạng 3. Biết số lớn gấp số bé số lần; tìm số lớn hoặc số bé

Ví dụ 4: Tìm một số, biết rằng gấp 2 lần số đó lên thì được số tự nhiên bé nhất có hai chữ số.

Bài làm

Số tự nhiên bé nhất có hai chữ số là: 10

Số cần tìm là:

$$10 : 2 = 5$$

Đáp số: 5

LUYỆN TẬP

Bài 31. Tìm:

a) 32m gấp 4m số lần là:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b) 27kg gấp 3kg số lần là:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c) 2m gấp 4dm số lần là:

Bài 32.

a) Hộp slime của Ann có giá 20 nghìn đồng, hộp slime của Hana có giá 10 nghìn đồng. Số tiền hộp slime của Ann gấp số tiền hộp slime của Hana số lần là:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b) Hoa sưu tầm được một chục miếng sticker, em gái của Hoa sưu tầm được 5 miếng sticker. Số miếng sticker của Hoa gấp số miếng sticker của em Hoa số lần là:

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of light blue horizontal lines and red vertical lines, creating a series of small squares across the entire page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85															

[illegible][illegible]

Bài 37. Mai đang nghĩ tới một số. Biết rằng gấp 3 lần số đó lên thì được số tự nhiên lớn nhất có hai chữ số. Tìm số Mai nghĩ.

Bài 38. Có 3 cây bưởi, cây thứ nhất có 9 quả. Cây thứ hai có nhiều hơn cây thứ nhất 14 quả. Cây thứ ba nhiều hơn cây thứ hai 13 quả. Hỏi:

- a) Cây thứ ba có bao nhiêu quả?
b) Số quả của cây thứ ba gấp mấy lần số quả của cây thứ nhất?

Bài 39. Có hai hộp kẹo. Hộp thứ nhất có 8 viên kẹo. Hộp thứ hai nếu có thêm 8 viên thì được 64 viên kẹo. Hỏi số kẹo của hộp thứ hai gấp mấy lần số kẹo của hộp thứ nhất?

[illegible]

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13</																																																																																							

[illegible]

Bài 43. An có hai túi bi, mỗi túi bi có 16 viên. An lấy 8 viên bi ở túi thứ nhất bỏ sang túi thứ hai. Hỏi lúc này, số bi ở túi thứ hai gấp mấy lần số bi ở túi thứ nhất?

Bài 44. Hiện nay bố 32 tuổi, ba năm nữa tuổi bố sẽ gấp 5 lần tuổi con. Hỏi hiện nay, tuổi bố gấp mấy lần tuổi con?

Bài 45. Hiện nay con 6 tuổi và bằng $\frac{1}{5}$ tuổi mẹ. Hỏi khi con 8 tuổi thì mẹ bao nhiêu tuổi?

BÀI 13. SO SÁNH SỐ BÉ BẰNG MỘT PHẦN MẤY SỐ LỚN

KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

Muốn so sánh số bé bằng một phần mấy số lớn, ta làm như sau:

Bước 1: Tính số lớn gấp mấy lần số bé.

Bước 2: Kết luận số bé bằng một phần mấy số lớn.

Ví dụ: 6 bằng một phần mấy của 48?

Bài làm

48 gấp 6 số lần: $48 : 6 = 8$ (lần)

Vậy 6 bằng $\frac{1}{8}$ của 48

MỘT SỐ DẠNG TOÁN

Dạng 1. So sánh số bé bằng một phần mấy số lớn.

Dạng 2. So sánh số bé bằng một phần mấy số lớn (ẩn số bé, ẩn số lớn hoặc ẩn cả hai số).

Ví dụ 1: Phương có số viên bi là số tròn chục liền trước của 70, em Phương có 6 viên bi. Hỏi số bi của em bằng một phần mấy số bi của Phương?

Bài làm

Số tròn chục liền trước 70 là 60, vậy Phương có 60 viên bi.

Số bi của Phương gấp số bi của em Phương số lần là: $60 : 6 = 10$ (lần)

Vậy số bi của em Phương bằng $\frac{1}{10}$ số bi của Phương.

Ví dụ 2: Tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con, biết hiện nay con 6 tuổi. Hỏi hai năm nữa tuổi con bằng một phần mấy tuổi mẹ?

Bài làm

Hai năm nữa tuổi mẹ là: $6 \times 5 + 2 = 32$ (tuổi)

Hai năm nữa tuổi mẹ gấp tuổi con số lần là: $32 : (6 + 2) = 4$ (lần)

Vậy hai năm nữa tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi mẹ.

Dạng 3. Biết số bé bằng một phần mấy số lớn, tìm số lớn hoặc tìm số bé.

Ví dụ 3: Biết $\frac{1}{5}$ số vở của Anna là 6 quyển, $\frac{1}{2}$ số vở của Rich là 5 quyển. Hỏi số vở của Rich bằng một phần mấy số vở của Anna?

Bài làm

Số vở của Anna là: $6 \times 5 = 30$ (quyển)

Số vở của Rich là: $5 \times 2 = 10$ (quyển)

Số vở của Anna gấp số vở của Rich số lần là: $30 : 10 = 3$ (lần)

Vậy số vở của Rich bằng $\frac{1}{3}$ số vở của Anna.

BÀI TẬP ÁP DỤNG

Bài 1. Nhà Chi cách trường 2km, nhà Bảo cách trường 8km. Hỏi quãng đường từ nhà Chi đến trường bằng một phần mấy quãng đường từ nhà Bảo đến trường?

Bài 2. Giỏ xoài có 50 quả, giỏ cam sau khi bán đi một nửa thì còn lại 50 quả. Hỏi lúc đầu, số quả xoài bằng một phần mấy số quả cam?

Bài 3. Biết $\frac{1}{6}$ tuổi bố là tuổi của Minh, em gái kém Minh 4 tuổi, biết năm nay Minh 10 tuổi. Hỏi tuổi em gái bằng một phần mấy tuổi bố?

Bài 54. Một người đi xe đạp sau $\frac{1}{2}$ giờ đi được 5km. Một ô tô trong 1 giờ đi được 60km. Hỏi trong một giờ quãng đường xe đạp đi được bằng một phần mấy quãng đường ô tô đi được?

Bài 55. Biết rằng $\frac{1}{4}$ số gà ở chuồng thứ nhất là 2 con, $\frac{1}{5}$ số gà ở chuồng thứ hai là 16 con. Hỏi số gà ở chuồng thứ nhất bằng một phần mấy số gà ở chuồng thứ hai?

Bài 56. Huệ có một số viên phấn. Huệ cho Lan $\frac{1}{3}$ số viên phấn. Cho Hồng 8 viên phấn thì Huệ còn lại 10 viên. Hỏi lúc đầu, Huệ có bao nhiêu viên phấn?

BÀI 14. GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN (tiếp)

Bài 57. Can thứ nhất có 9ℓ dầu, số lít dầu ở can thứ nhất bằng $\frac{1}{5}$ số lít dầu ở can thứ hai. Hỏi can thứ hai có nhiều hơn can thứ nhất bao nhiêu lít dầu?

Bài 58. Một đội công nhân trải nhựa một đoạn đường dài 40m. Buổi sáng trải được $\frac{1}{5}$ đoạn đường. Buổi chiều trải được tiếp $\frac{1}{4}$ đoạn đường. Hỏi sau cả ngày đoạn đường đó còn lại bao nhiêu mét chưa trải nhựa?

Bài 59. Năm nay bố 36 tuổi. Tuổi ông gấp hai lần tuổi bố. Tuổi cháu bằng $\frac{1}{9}$ tuổi ông. Hỏi bốn năm trước tổng số tuổi của cả ba người là bao nhiêu?

[illegible][illegible][illegible]

Bài 63. Hùng có 15 viên bi. Số bi của Dũng gấp 4 lần số bi của Hùng. Hỏi cả hai bạn có bao nhiêu viên bi?

Bài 64. Dịp Tết Trung thu vừa qua, một cửa hàng đồ chơi đã bán được 216 chiếc đèn hoa sen. Số chiếc đèn ông sao bán được kém 3 lần số đèn hoa sen. Hỏi cửa hàng bán được tất cả bao nhiêu chiếc đèn?

Bài 65. Một bếp ăn mua 2 bao gạo nếp và 3 bao gạo tẻ. Biết mỗi bao gạo nếp nặng 112kg và mỗi bao gạo tẻ nặng gấp 2 lần bao gạo nếp. Hỏi bếp ăn đó đã mua tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo tẻ và gạo nếp?

[illegible][illegible][illegible]

BÀI 15. TÍNH GIÁ TRỊ BIỂU THỨC (tiếp)

Kiến thức cần ghi nhớ

1. Phép cộng:

2. Phép trừ:

3. Phép nhân:

– Nhân với 0: $0 \times a = 0$

– Nhân với 1: $1 \times a = a$

– Nhân với một tổng: $a \times (b + c) = a \times b + a \times c$

– Nhân với một hiệu: $a \times (b - c) = a \times b - a \times c$

– Trong một phép nhân hai số:

+ Nếu một thừa số tăng (hay giảm) một số đơn vị thì tích cũng tăng (hay giảm) số đó lần thừa số còn lại.

+ Nếu một thừa số tăng (hay giảm) bao nhiêu lần thì tích cũng tăng (hay giảm) bấy nhiêu lần.

4. Phép chia:

– 0 chia cho một số: $0 : a = 0$ ($a \neq 0$)

– Chia một số cho 1: $a : 1 = a$

– Chia cho chính nó: $a : a = 1$ ($a \neq 0$)

– Một tổng chia cho một số: $(a + b) : c = a : c + b : c$ ($c \neq 0$)

– Trong một phép chia hết:

+ Nếu giữ nguyên số chia và gấp (hay giảm) số bị chia bao nhiêu lần thì thương cũng gấp (hay giảm) bấy nhiêu lần.

+ Nếu giữ nguyên số bị chia và gấp (hay giảm) số chia bao nhiêu lần thì thương sẽ giảm (hay gấp) bấy nhiêu lần.

5. Thứ tự thực hiện phép tính:

6. Dãy số cách đều:

$$\text{Số các số hạng} = (\text{Số lớn nhất} - \text{số bé nhất}) : \text{khoảng cách} + 1$$

Các bước thực hiện tính nhanh tổng của dãy số cách đều:

Bước 1. Tìm số số hạng

Bước 2. Tính số cặp:

+ Nếu số số hạng là chẵn: **Số cặp = số số hạng : 2**

+ Nếu số số hạng là lẻ: Ta bớt đi một số (số đầu hoặc số cuối hoặc số ở giữa) rồi mới tìm số cặp.

Bước 3. Tính giá trị của một cặp

Bước 4. Tính tổng của dãy số: ta lấy giá trị của một cặp nhân với số cặp.

MỘT SỐ DẠNG TOÁN

Dạng 1. Tính bằng cách hợp lí dựa vào các tính chất của phép cộng và phép trừ.

Dạng 2. Tính bằng cách hợp lí vận dụng tính chất của phép nhân và phép chia.

Ví dụ 1: Tính bằng cách thuận tiện nhất

$$a) 18 \times 5 + 5 \times 12 + 70 \times 5$$

$$= (18 + 12 + 70) \times 5$$

$$= 100 \times 5$$

$$= 500$$

$$b) (16 - 2 \times 8) : (20 + 21 + 22 + 23 + 24 + 25)$$

$$= (16 - 16) : (20 + 21 + 22 + 23 + 24 + 25)$$

$$= 0 : (20 + 21 + 22 + 23 + 24 + 25)$$

$$= 0$$

Dạng 3. Tính tổng của dãy số cách đều.

Ví dụ 2: Tính tổng của các số tự nhiên từ 1 đến 20.

Bài làm

Số các số hạng là: $(20 - 1) : 1 + 1 = 20$ (số)

Số cặp là: $20 : 2 = 10$ (cặp)

Vậy: $1 + 2 + 3 + 4 + \dots + 20$

$$= (1 + 20) \times 10$$

$$= 21 \times 10$$

$$= 210$$

BÀI TẬP ÁP DỤNG

Bài 1. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $150 + 126 + 347 + 224 + 153$

b) $235 - 123 + 623 + 165$

Bài 2. Tính nhanh:

a) $(11 + 13 + 15 + \dots + 19) \times (6 \times 8 - 48)$

b) $(72 - 8 \times 9) : (20 + 21 + 22 + 23 + 24 + 25)$

Bài 3. Tính tổng của các số tự nhiên từ 20 đến 39.

LUYỆN TẬP

Bài 70. Tính giá trị các biểu thức sau bằng cách hợp lí nhất:

$A = 23 + 39 + 37 + 21 + 34 + 26$

$B = 5 \times 5 + 3 \times 5 + 5 \times 2 - 10 \times 5$

$$C = (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9) : 5$$

$$D = (1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 11) : 4$$

Bài 71. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $135 \times (a \times 1 - a : 1) + 115$

b) $(125 - 17 \times 4) \times (23 - 18 - 5)$

c) $176 : 4 - 112 : 4$

d) $606 : 3 + 303 : 3$

Bài 72. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $1 + 3 + 5 + 7 + 9 + 11 + 13 + 15 + 17 + 19$

b) $52 - 42 + 37 + 28 - 38 + 63$

c) $(9 \times 8 - 72) : (11 + 12 + 13 + 14 + 15)$

d) $(625 - 45 \times 4) \times (23 - 22 - 1)$

e) $250 : 5 + 987 - 150 : 3$

f) $(2 \times 4 \times 5 - 8 \times 5) \times 213$

Bài 73. Tính giá trị các biểu thức sau bằng cách hợp lý:

a) $76 + 76 \times 3 + 76 + 76 \times 5$

b) $45 \times 3 + 14 \times 45 - 7 \times 45$

c) $55 \times 9 - 63 \times 3 + 42 \times 9 + 24 \times 9$

d) $(24 + 6 \times 5 + 6) - (12 + 6 \times 3)$

Bài 74. Khi nhân một số có hai chữ số có chữ số 1 ở hàng chục với 6, bạn Hoa quên mất chữ số 1 ở hàng chục. Hỏi tích bị giảm đi bao nhiêu đơn vị?

Bài 75. Khi chia số có hai chữ số có chữ số hàng chục bằng 2 cho số có một chữ số ta được thương là số liền trước của số nhỏ nhất có hai chữ số. Tìm các thành phần của phép chia đó.

Bài 76. Nếu giảm số lớn nhất có hai chữ số đi 9 lần, sau đó cộng với 249 rồi lấy kết quả đó chia cho 2 thì được bao nhiêu?

Bài 77. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $2 + 4 + 6 + 8 + \dots + 34 + 36 + 38 + 40$

b) $1 + 3 + 5 + 7 + \dots + 35 + 37 + 39$

a) $6 + 6 + 6 + \dots + 6 = 66$ (có 11 số 6)

a) $6 + 6 + 6 + \dots + 6 = 66$ (có 11 số 6)

b) $7 + 7 + 7 + \dots + 7 + 223$ (có 11 số 7)

b) $7 + 7 + 7 + \dots + 7 + 223$ (có 11 số 7)

c) $\underbrace{50 + 50 + 50 + \dots + 50}_{20 \text{ số } 50} - 50 - 18 \times 50$

20 số 50

d) $\underbrace{9 + 9 + 9 + \dots + 9}_{100 \text{ số } 9} - 9 - 8 \times 9 + 18 \times 5$

100 số 9

là 9 thì tổng $(A + B) : 2$ được thương là bao nhiêu?

Bài 80. Tìm một số biết rằng lấy số đó chia cho 6 được kết quả bao nhiêu cộng với 6 thì được kết quả là số nhỏ nhất có hai chữ số.

[illegible]

Bài 81. Tìm một số, biết rằng lấy tích của số đó với 6 trừ đi tích của số đó với 3 thì được kết quả bằng 30.

[illegible]

Bài 82. Khi thực hiện một phép tính lẽ ra phải nhân số A với 6, một học sinh lại đem chia số A cho 6 và được kết quả là 8. Hãy tìm kết quả của phép tính cần tìm.

[illegible]

Bài 83. Tính tổng của các số lẻ bé hơn 51.

[illegible]

Bài 84. Nối biểu thức với giá trị phù hợp:

$46 - 46 : 2 + 17 \times 5$
$32\text{cm} + 8\text{dm} - 40\text{cm} : 2$
$39 + 77 - 7 \times 11 + 23 \times 3$
$391 + 99 : 3 \times (36 - 45 + 19)$
$(3\text{dm } 9\text{cm} - 36\text{cm}) \times 12 + 29\text{cm}$

92cm
721
108
565cm

Bài 85. Hãy đặt dấu ngoặc () vào biểu thức: $235 + 45 : 5 - 2 \times 9$ để giá trị của biểu thức bằng:

a) 38

b) 370

BÀI 16. ÔN TẬP TỔNG HỢP

Bài 86. Tính giá trị của các biểu thức sau:

$$A = 455 : 5 + 108 : 9 + 324$$

$$B = 624 - 129 \times 2 + 336 + 9 \times 8$$

$$C = 90 : 2 + 70 \times 2 : 5$$

$$D = 96 \times 8 + 306 : 9 - 109$$

Bài 87. Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $(30 \times 4 - 135 : 3) \times 6$

b) $602 - 10 : (54 : 9 - 1)$

c) $(90 + 150 : 3 \times 4) : 5$

d) $(198 - 84 : 4 \times 3) : 9$

Bài 99. Có hai chuồng nuôi thỏ. Bạn Lan đếm ở chuồng thứ nhất có 24 chân thỏ và chuồng thứ hai có 24 tai thỏ. Hỏi số thỏ ở chuồng thứ hai gấp mấy lần số thỏ ở chuồng thứ nhất?

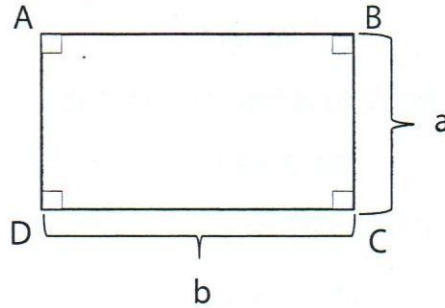
Bài 100. Tổ công nhân thứ nhất có 45 người. Tổ thứ hai có số người gấp 2 lần tổ thứ nhất. Tổ thứ ba kém tổ thứ hai 25 người. Tổ thứ tư có số người bằng $\frac{1}{4}$ tổng số người của ba tổ trên. Hỏi tổ thứ tư có bao nhiêu người?

Bài 101. Ngày xưa ngày xưa có một nàng công chúa đang đi dạo chơi, bỗng từ đâu một con đại bàng lao tới, quắp lấy cô công chúa bay vút lên không trung. Nó nhốt nàng trên tầng 6 của một tòa nhà xa xôi. Em hãy tính xem muốn cứu nàng công chúa người ta phải đi qua bao nhiêu bậc thang, biết rằng muốn lên tầng 3 của tòa nhà này phải đi qua 52 bậc thang. (Số bậc thang ở mỗi tầng như nhau).

BÀI 17. CHU VI HÌNH CHỮ NHẬT

KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

1. Hình chữ nhật



- Hình chữ nhật là hình tứ giác có 4 góc vuông.
- Hình chữ nhật có hai chiều dài bằng nhau và hai chiều rộng bằng nhau.

2. Chu vi hình chữ nhật

- Công thức tính chu vi (P)

$$P = (a + b) \times 2$$

Trong đó a là chiều dài, b là chiều rộng (a, b cùng đơn vị đo).

MỘT SỐ DẠNG TOÁN

Dạng 1. Vận dụng công thức để tính chu vi hình chữ nhật.

Dạng 2. Tính chu vi hình chữ nhật (ẩn chiều dài hoặc chiều rộng).

Ví dụ 1: Tính chu vi của một hình chữ nhật có chiều rộng là 12cm và chiều dài gấp đôi chiều rộng.

Bài làm

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$12 \times 2 = 24 \text{ (cm)}$$

Chu vi hình chữ nhật là:

$$(12 + 24) \times 2 = 72 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 72cm

Ví dụ 2: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 19m. Chiều dài kém 3 lần chiều rộng là 24m. Tính chu vi mảnh vườn.

Bài làm

Chiều dài mảnh vườn hình chữ nhật là:

$$(19 \times 3) - 24 = 33 \text{ (cm)}$$

Chu vi mảnh vườn hình chữ nhật là:

$$(19 + 33) \times 2 = 104 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 104cm

Dạng 3. Cho chu vi hình chữ nhật; tính chiều dài, chiều rộng hình chữ nhật.

Ví dụ 3: Một hình chữ nhật có chu vi là 68cm, biết chiều dài bằng 23cm. Tính chiều rộng hình chữ nhật đó.

Bài làm

Nửa chu vi hình chữ nhật là:

$$68 : 2 = 34 \text{ (cm)}$$

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$34 - 23 = 11 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 11cm

Ví dụ 4: Một hình chữ nhật có chu vi bằng 6 lần chiều rộng. Tìm chiều dài, chiều rộng, biết chiều dài hơn chiều rộng 15m.

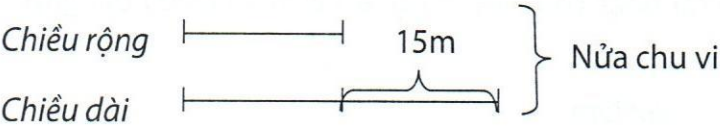
Bài làm

Nửa chu vi gấp chiều rộng:

$$6 : 2 = 3 \text{ (lần)}$$

Nhận xét: *Nửa chu vi bằng 3 lần chiều rộng nên chiều dài bằng 2 lần chiều rộng*

Ta có sơ đồ:



Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$15 \times 1 = 15 \text{ (cm)}$$

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$15 \times 2 = 30 \text{ (cm)}$$

Đáp số: Chiều dài: 30 cm

Chiều rộng: 15 cm

BÀI TẬP ÁP DỤNG

Bài 1. Hoàn thành bảng sau:

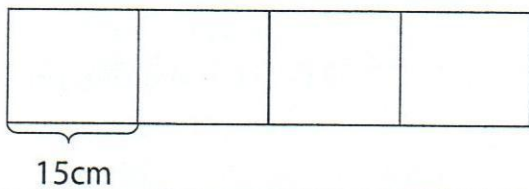
Chiều dài	5cm	9m		15dm	3dm	32cm
Chiều rộng	4cm	7m	4m		24cm	
Chu vi HCN			36m	42dm		82cm

LUYỆN TẬP

Bài 102. Tính chu vi hình chữ nhật có chiều rộng là 15cm và chiều dài hơn chiều rộng 10cm.

Bài 103. Một sân bóng rổ hình chữ nhật có chiều dài 54m, chiều rộng kém chiều dài 14m. Tính chu vi sân bóng rổ đó.

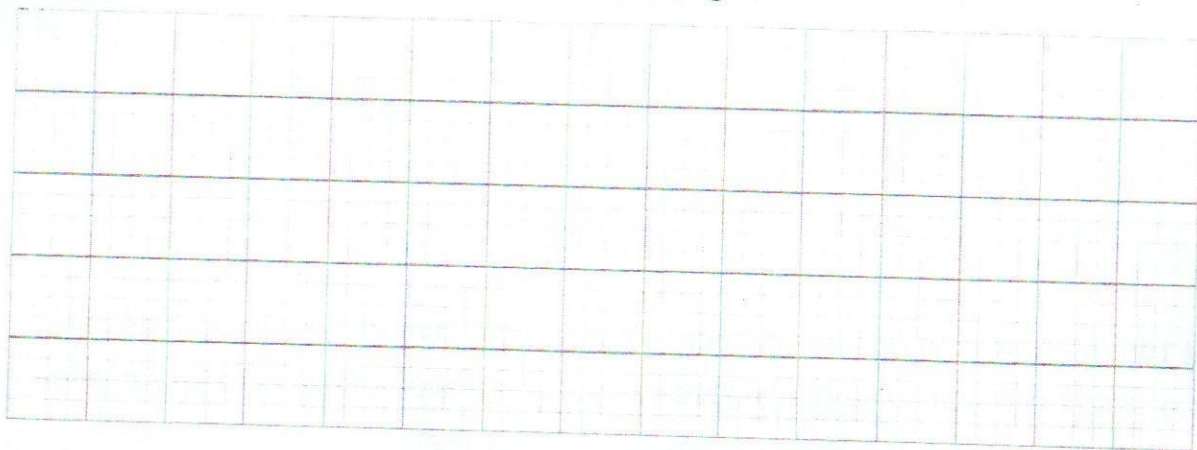
Bài 104. Người ta ghép 4 viên gạch men hình vuông cạnh 15cm (như hình dưới).
 Tính chu vi của hình đó.



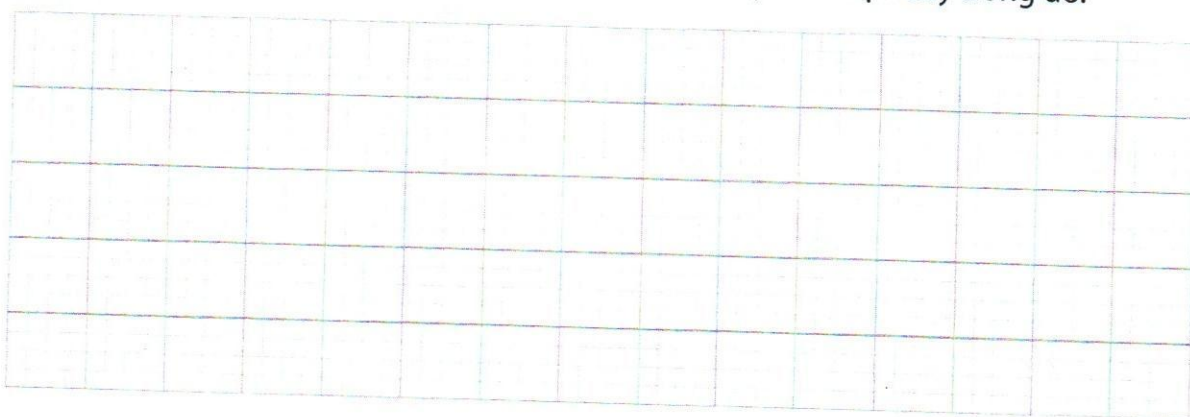
Bài 105. Một hình chữ nhật có chiều dài 60cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài.

a) Tính chu vi hình chữ nhật đó.

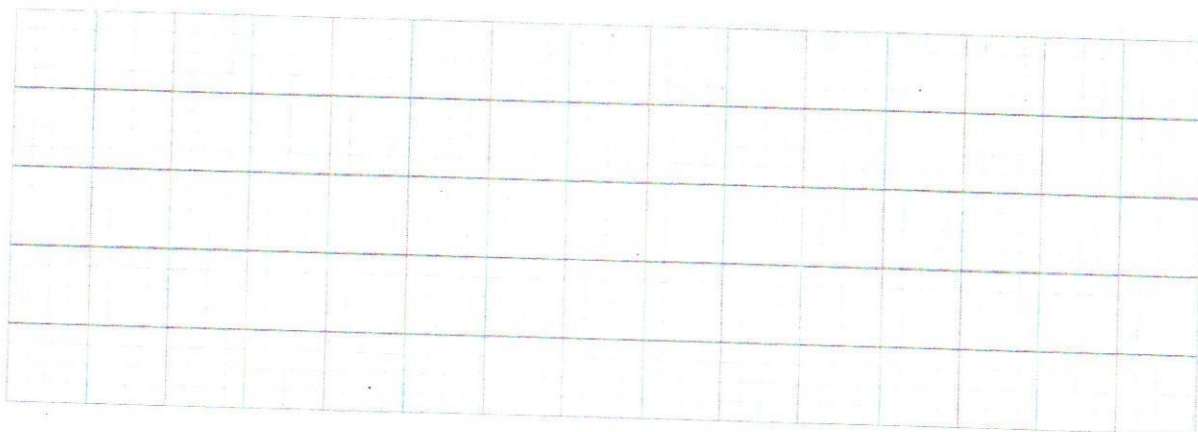
b) Chu vi hình chữ nhật đó gấp mấy lần chiều rộng?



Bài 106. Người ta uốn một đoạn dây đồng thành một hình chữ nhật có chiều dài là 25cm và chiều rộng là 11cm thì thừa ra 18cm. Tính độ dài đoạn dây đồng đó.



Bài 107. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 54m. Chiều dài hơn 2 lần chiều rộng là 29m. Tính chu vi mảnh vườn đó.

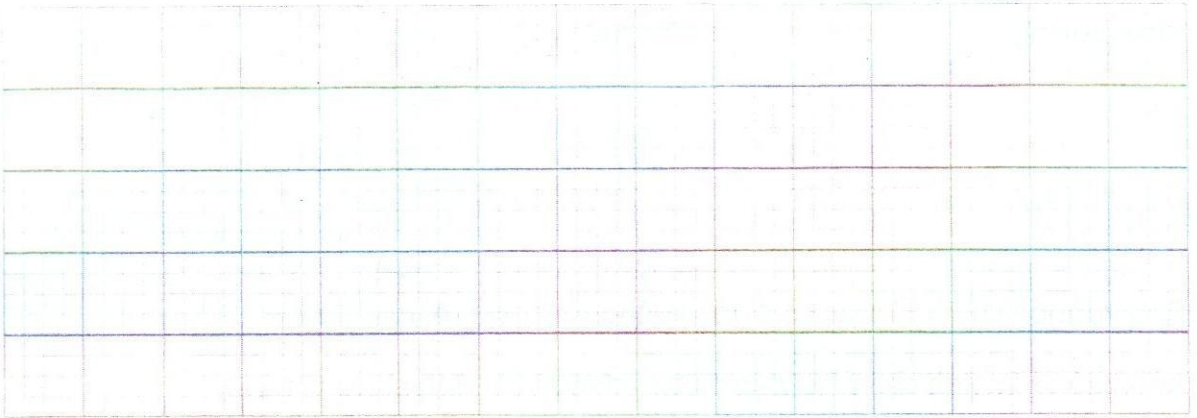


Bài 108. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 44m. Chiều rộng của mảnh vườn là 7m. Tính chiều dài mảnh vườn đó.

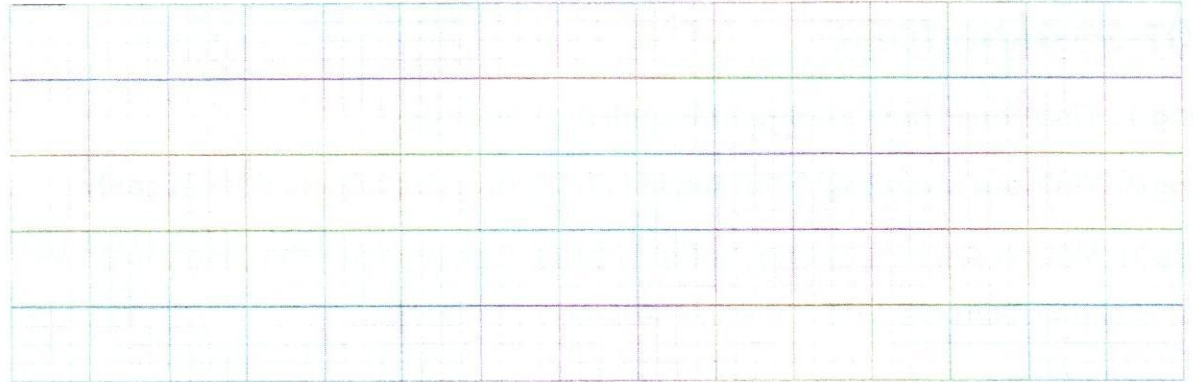
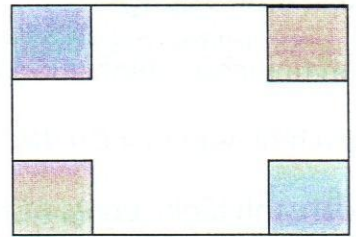
Bài 109. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 30m, chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Người ta muốn làm một hàng rào xung quanh mảnh vườn đó có để hai cửa ra vào, mỗi cửa rộng 3m. Hỏi hàng rào đó dài bao nhiêu mét?

Bài 110. Một hình chữ nhật có chu vi gấp 8 lần chiều rộng. Tìm chiều dài, chiều rộng, biết chiều dài hơn chiều rộng 14m.

Bài 111. Biết $\frac{1}{3}$ chu vi của mảnh vườn hình chữ nhật là 64m. Chiều rộng của mảnh vườn là 36m. Tính chiều dài của mảnh vườn đó.



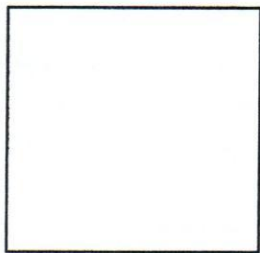
Bài 112. Có một miếng bìa hình chữ nhật có chiều rộng 10cm, chiều dài 15cm. Bạn Minh cắt đi ở mỗi góc hình chữ nhật một hình vuông (như hình vẽ). Tính chu vi hình còn lại của miếng bìa.



BÀI 18. CHU VI HÌNH VUÔNG

KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ

1. Hình vuông



- Hình vuông là hình tứ giác có 4 góc vuông và 4 cạnh bằng nhau.
- Hình vuông là hình chữ nhật đặc biệt có chiều dài bằng chiều rộng.

2. Chu vi hình vuông

- Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4.
- Chu vi hình vuông = Độ dài cạnh hình vuông $\times 4$
- Độ dài cạnh hình vuông = Chu vi hình vuông : 4

MỘT SỐ DẠNG TOÁN

Dạng 1. Tính chu vi hình vuông; tính cạnh hình vuông

Dạng 2. Tính chu vi của một hình sau khi mở rộng (giảm bớt) số đo một cạnh.

Ví dụ 1: Một cái sân hình vuông có chu vi bằng 36m, người ta mở rộng sân đó về phía bên phải thêm 3m. Tính chu vi của sân sau khi mở rộng.

Bài làm

Cạnh của hình vuông dài là:

$$36 : 4 = 9 \text{ (m)}$$

Chiều dài của sân sau khi được mở rộng là:

$$9 + 3 = 12 \text{ (m)}$$

Chu vi của sân sau khi mở rộng là:

$$(9 + 12) \times 2 = 42 \text{ (m)}$$

Đáp số: 42m

Ví dụ 2: Nếu giảm chiều dài của hình chữ nhật 7m thì được một hình vuông có chu vi bằng 36m. Tính chu vi của hình chữ nhật.

Bài làm

Cạnh hình vuông dài là:

$$36 : 4 = 9 \text{ (m)}$$

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$9 + 7 = 16 \text{ (m)}$$

Chu vi hình chữ nhật là:

$$(9 + 16) \times 2 = 50 \text{ (m)}$$

Đáp số: 50m

Dạng 3. Kết hợp bài toán trồng cây khi tính được chu vi

Ví dụ 3: Người ta đóng cọc rào một khu vườn hình vuông. Cứ cách 5m thì đóng một cọc. Tính số cọc cần mua, biết cạnh vườn là 25m.

Bài làm

Chu vi khu vườn hình vuông là:

$$25 \times 4 = 100 \text{ (m)}$$

Số cọc cần mua là:

$$100 : 5 = 20 \text{ (cọc)}$$

Đáp số: 20 cọc

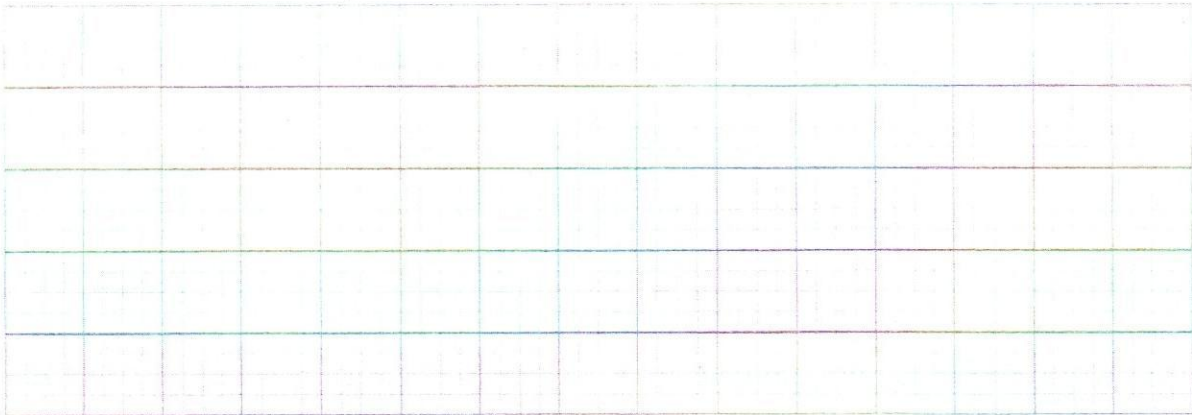
BÀI TẬP ÁP DỤNG

Bài 1. Điền số và đơn vị thích hợp vào bảng sau:

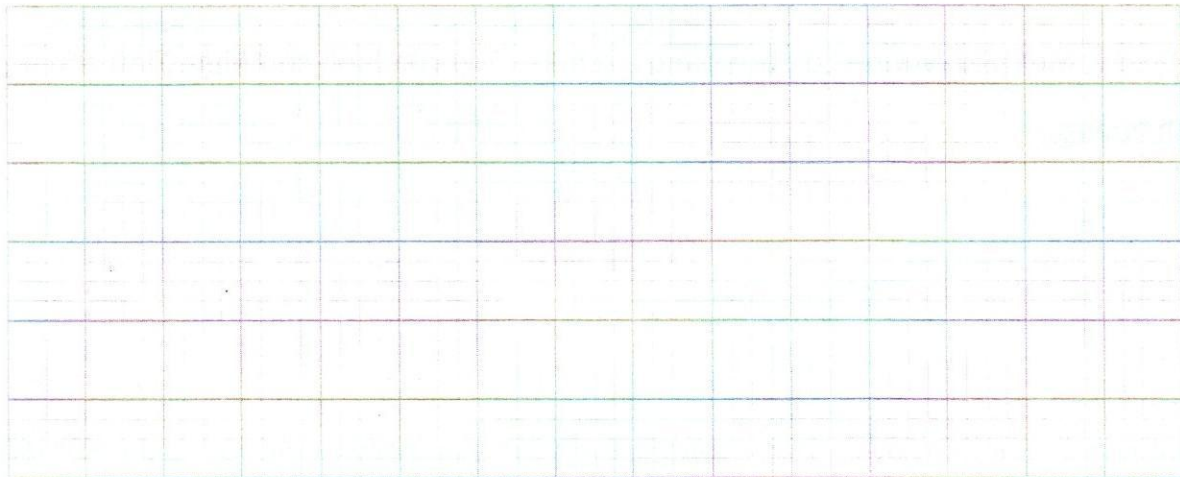
Cạnh HV	3dm	5m			7cm	
Chu vi HV			48dm	60cm		36cm

Bài 2. Tính chu vi của hình vuông có độ dài cạnh lần lượt là: 42cm; 59cm.

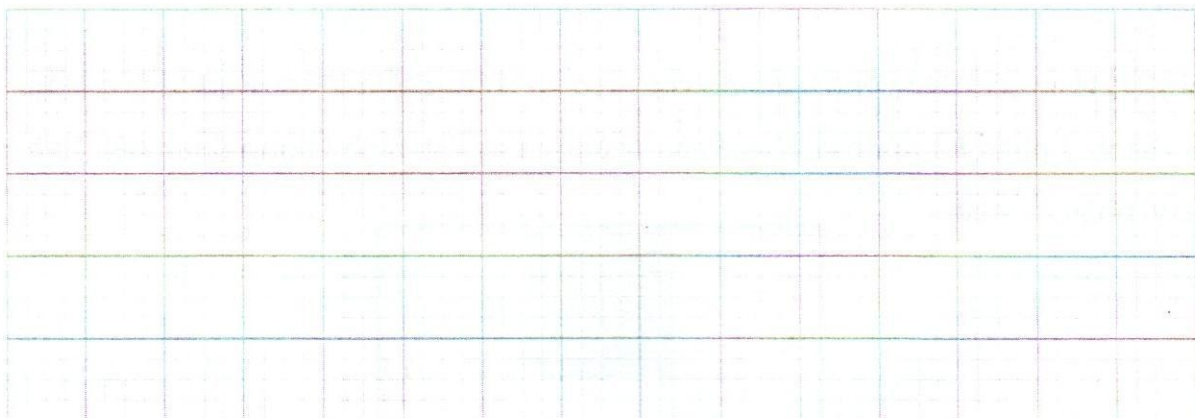
Bài 116. Một tờ bìa hình chữ nhật có chiều rộng 36cm, chiều dài 48cm. Người ta cắt ra một hình vuông có cạnh bằng chiều rộng tờ bìa hình chữ nhật. Tính chu vi mảnh bìa còn lại.



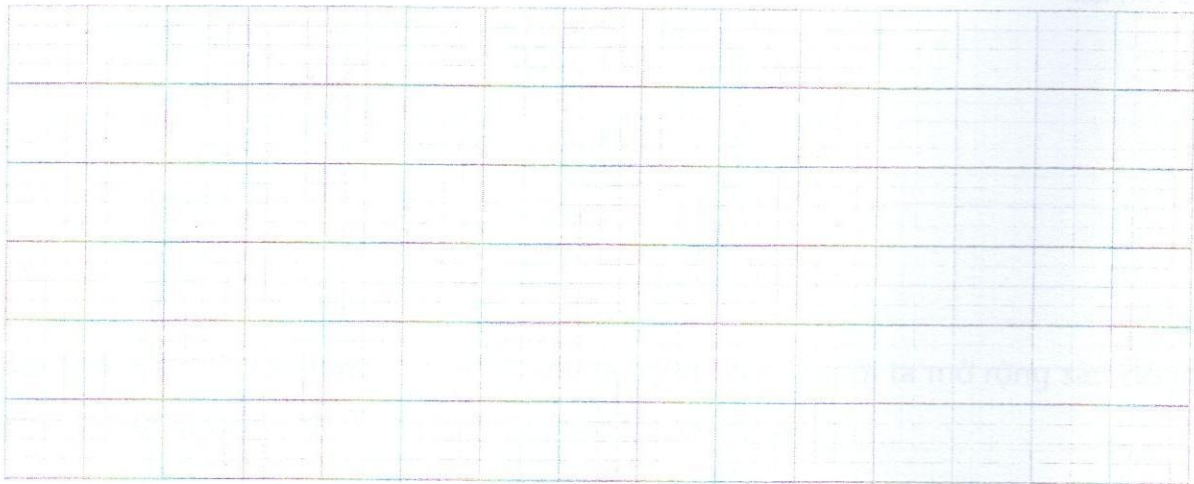
Bài 117. Cho một tờ bìa hình vuông có chu vi là 24cm. Người ta cắt tờ bìa thành hai mảnh nhỏ hình chữ nhật bằng nhau. Tính chu vi mỗi hình chữ nhật.



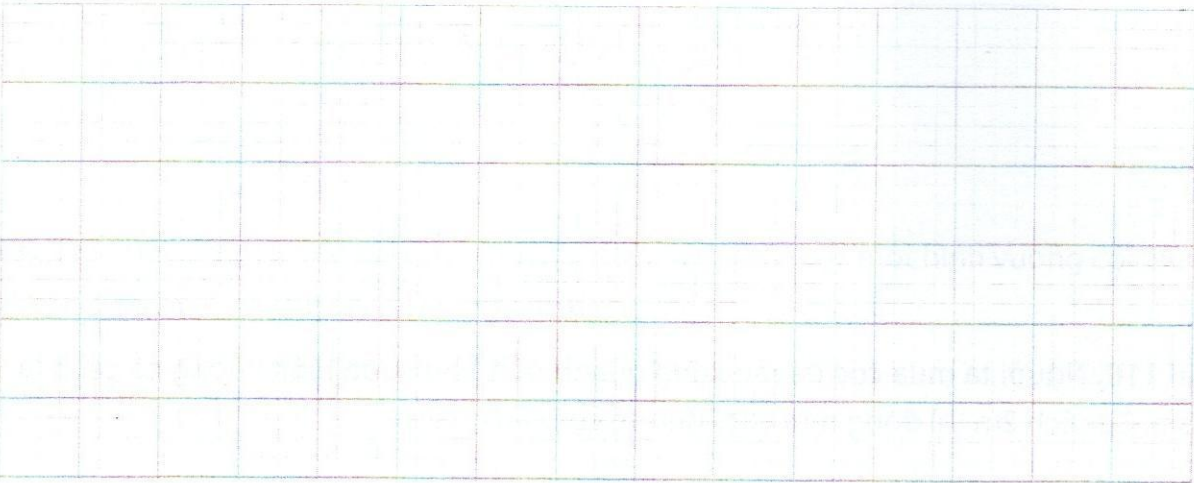
Bài 118. Người ta mua cọc để rào xung quanh một khu vườn hình vuông có cạnh là 38m. Cứ cách 2m thì đóng một cọc. Tính số cọc cần mua.



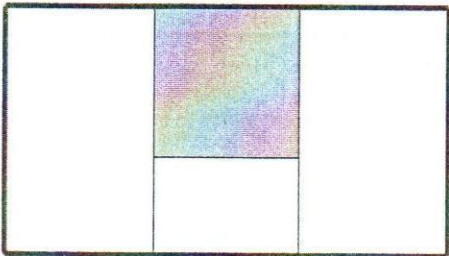
Bài 119. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài là 63m, chiều rộng là 27m. Một mảnh đất hình vuông có chu vi bằng chu vi mảnh đất hình chữ nhật đó. Tính cạnh của mảnh đất hình vuông.

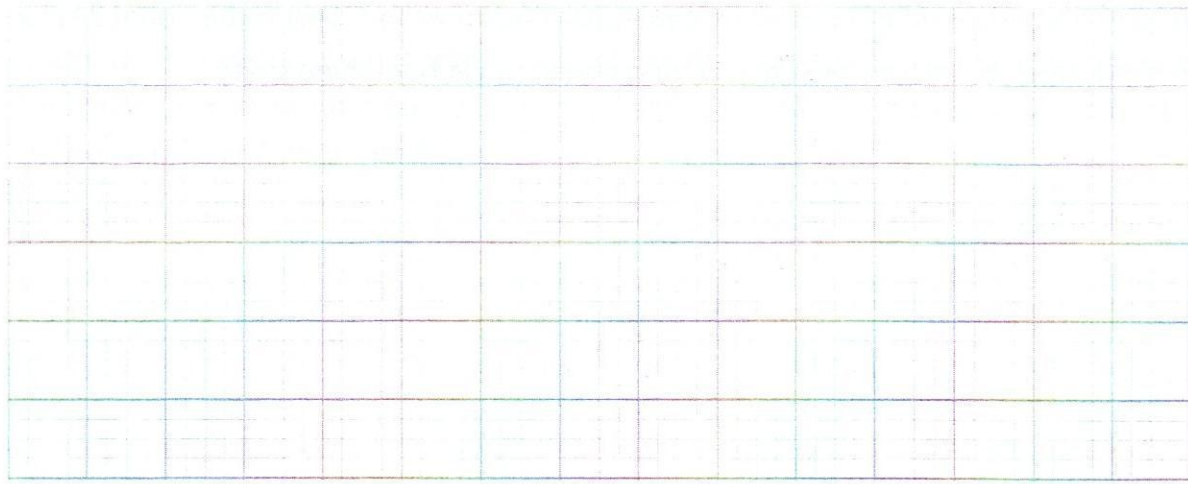


Bài 120. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài là 24m và chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Một hình vuông có cạnh bằng $\frac{1}{2}$ chiều rộng của hình chữ nhật. Tính chu vi hình vuông.

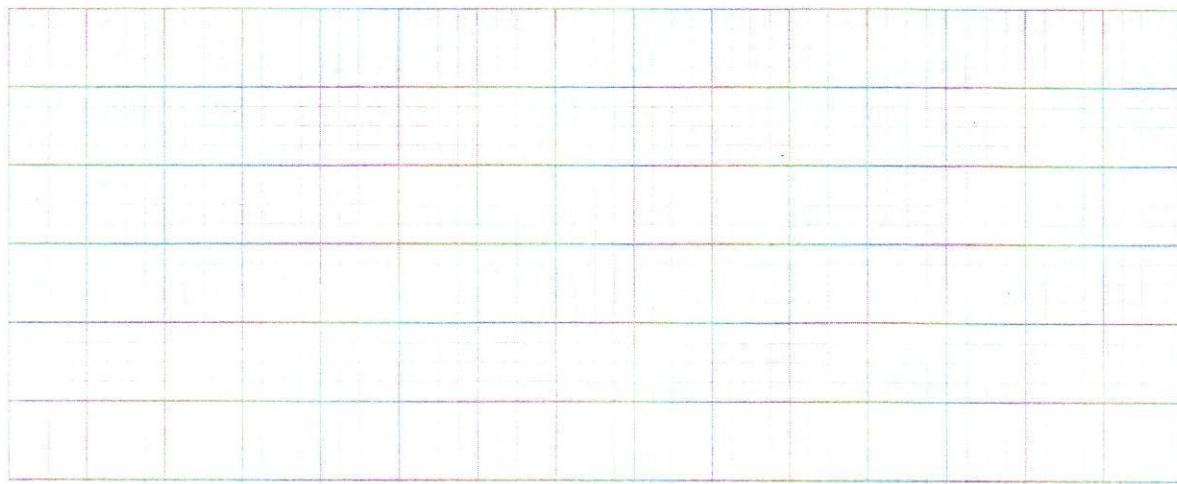


Bài 121. Nam có một miếng bìa hình chữ nhật có chiều dài là 57cm, Nam chia miếng bìa thành 3 phần bằng nhau và tô màu phần miếng bìa hình vuông (hình vẽ). Tính chu vi phần tô màu.

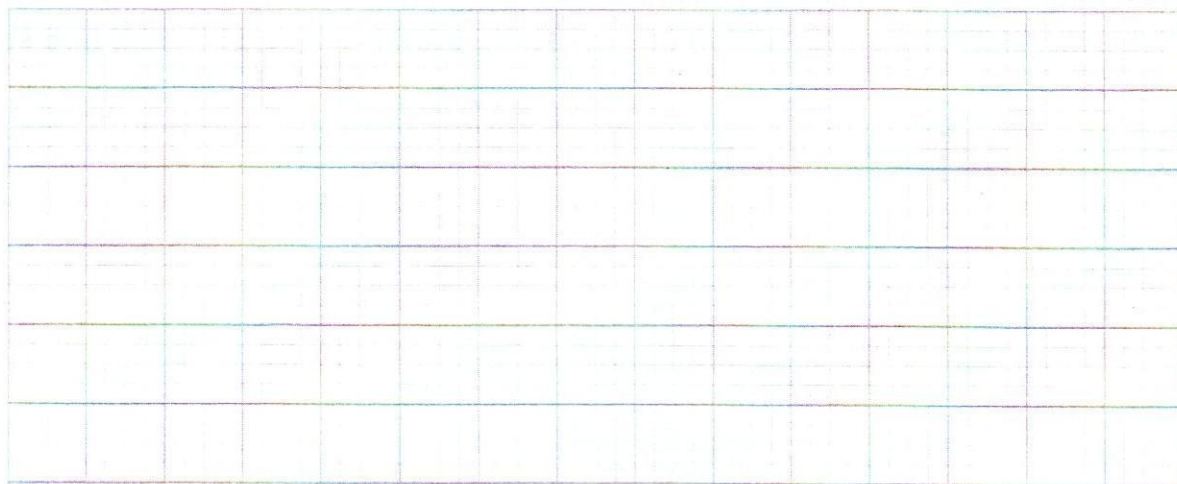




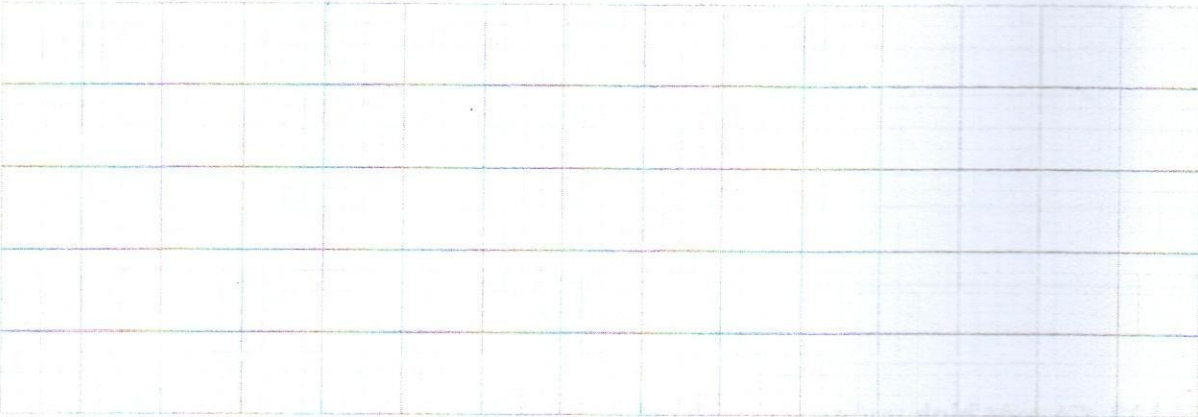
Bài 122. Có một hình vuông chu vi bằng 64cm. Nếu mở rộng cả về bên trái và bên phải mỗi bên thêm 2cm thì được một hình chữ nhật. Tính chu vi hình chữ nhật đó.



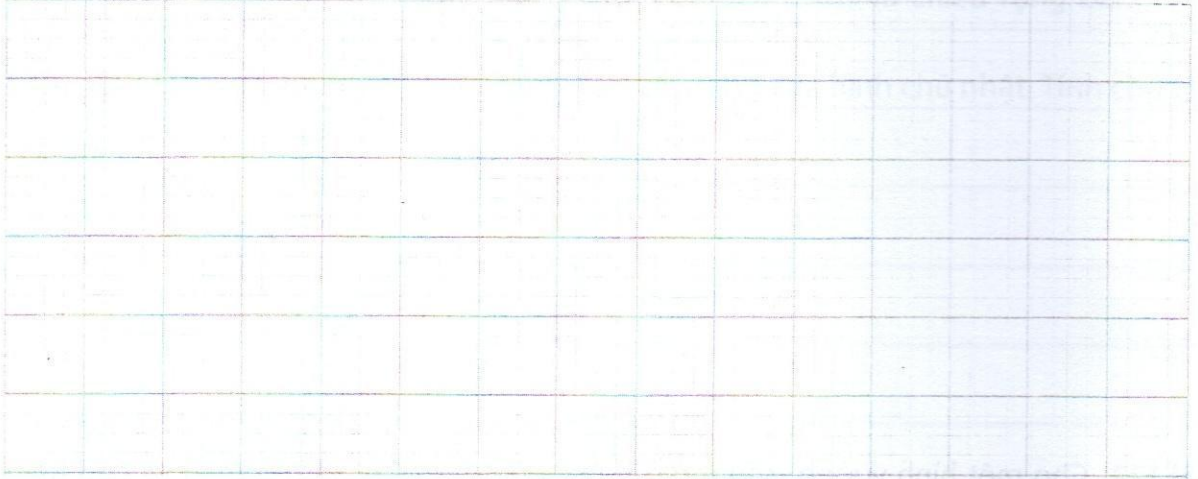
Bài 123. Cho một hình vuông, nếu mở rộng về bên phải 2cm và mở rộng về bên trái 4cm thì được một hình chữ nhật có chu vi bằng 48cm. Tính chu vi hình vuông ban đầu.



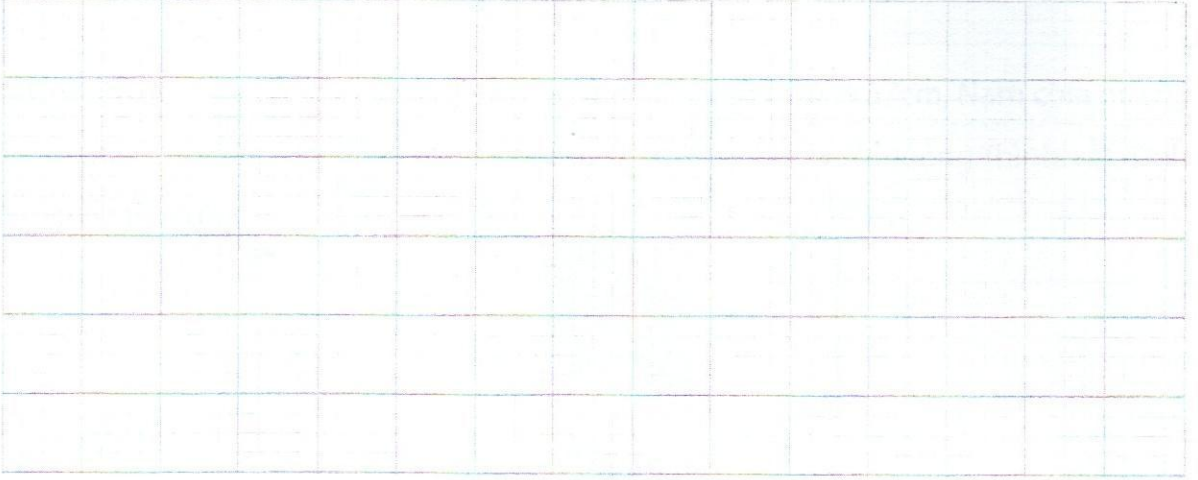
Bài 124. Sân nhà em hình vuông có chu vi 20m, người ta mở rộng về bên phải 2m và mở rộng bên trái 1m. Hỏi sau khi mở rộng chu vi sân là bao nhiêu mét?



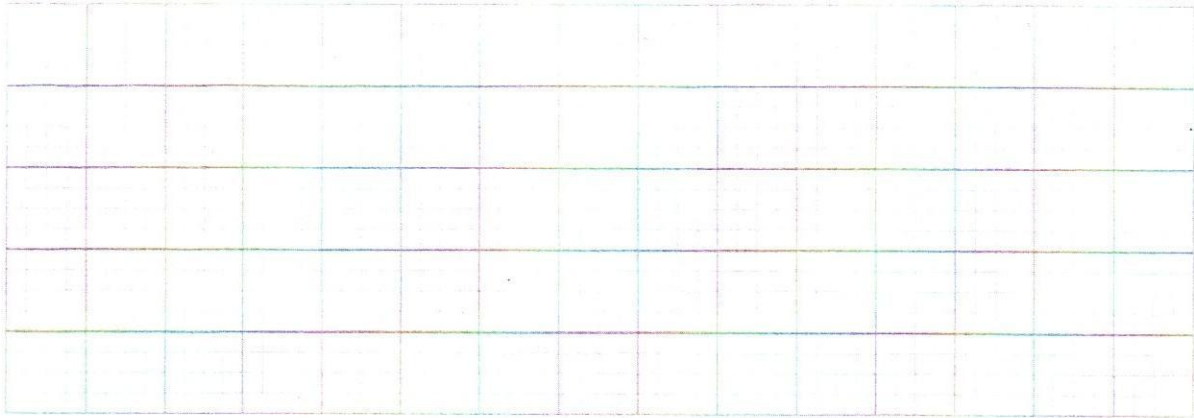
Bài 125. Một hình vuông có chu vi bằng chu vi một hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng bằng nửa chiều dài. Tính chu vi hình vuông đó.



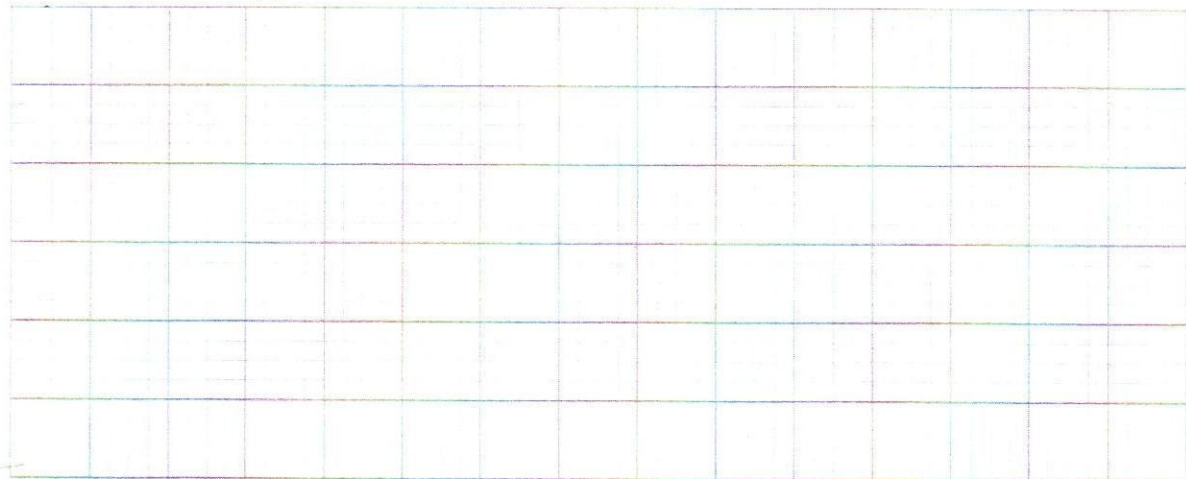
Bài 126. Một hình vuông được chia thành hai hình chữ nhật. Tính chu vi hình vuông đó, biết rằng tổng chu vi hai hình chữ nhật là 642cm.



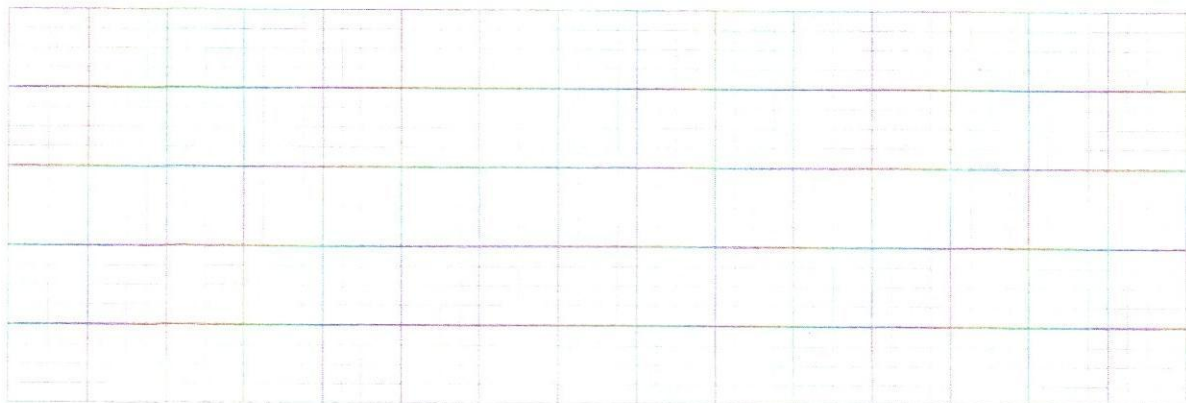
Bài 127. Một hình chữ nhật có chiều rộng 40cm, chiều rộng kém chiều dài 80m. Người ta chia hình chữ nhật trên thành 2 hình gồm: một hình vuông có cạnh bằng chiều rộng hình chữ nhật ban đầu và một hình chữ nhật. Tính tổng chu vi của hình vuông và hình chữ nhật mới đó.

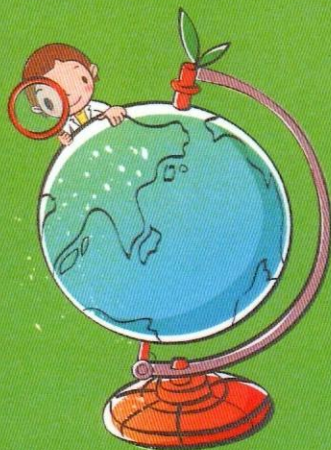


Bài 128. Người ta mắc đèn led xung quanh một tấm biển quảng cáo hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật có chiều dài 120cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính số đèn cần lắp, biết mỗi đèn cách nhau 4cm.



Bài 129. Một tờ bìa hình chữ nhật có chiều rộng 24cm, chiều dài 56cm. Người ta cắt ra một hình vuông có cạnh bằng chiều rộng tờ bìa hình chữ nhật. Tính chu vi mảnh bìa còn lại.





ARCHIMEDES

MẦM NON ARCHIMEDES KIDS

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: **098 713 5966**

TIỂU HỌC ARCHIMEDES ACADEMY

Trường Công Giai, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: **094 396 6166**

THCS ARCHIMEDES ACADEMY

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: **094 769 7171**

TH, THCS & THPT ARCHIMEDES ĐÔNG ANH

Lô I-F1, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội
ĐT: **039 235 3535**